

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2021
“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và ông Hà Minh Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1972.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thường K, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Huỳnh Thị H trình bày như sau:

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Thường K cưới nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, vợ chồng bất hòa nên hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng dàn xếp để chung sống cùng nhau lo cho con nhưng không thể tiếp tục chung sống và đã ly thân gần 04 năm nay. Bà xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 03/02/1997 đã trưởng thành và Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 14/8/2009 hiện đang sống với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Huỳnh K và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thường K trình bày: Ông thừa nhận theo lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung là hoàn toàn đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do ông với cha vợ, em vợ có mâu thuẫn nên ông không tới lui bên vợ, hơn nữa bên gia đình vợ nghi ngờ ông có quan hệ bên ngoài và có con riêng nên vợ chồng mâu thuẫn khoảng 06 năm nay và đã ly thân gần 04 năm.

Nay theo yêu cầu của bà H thì ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị H.

Về con chung: Đối với con tên Nguyễn Huỳnh K thì theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu con muốn sống với ông thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nếu sống với bà H thì ông cũng không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 03/02/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông thừa nhận là vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông không trình bày và yêu cầu gì thêm, ông xin xét xử vắng mặt.

Về nguyện vọng con chung: Cháu Nguyễn Huỳnh K có nguyện vọng sống với bà H khi cha mẹ ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm có: Đơn khởi kiện ngày 07/5/2020 (Bản gốc); giấy khai khai sinh số 159/2009 ngày 28/12/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang cấp (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản photo chứng thực); đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 11/3/2020 (Bản gốc); bản tự khai ngày 20/8/2019 (Bản gốc); biên bản nguyện vọng của con ngày 14/12/2020 (bản gốc); biên bản xác minh ngày 04/12/2020 (Bản gốc).

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng ông bà có mâu thuẫn trong thời gian dài, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ.

Tại phiên tòa:

Bà H tiếp tục xin ly hôn với ông K, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Kha, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con; ông K vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H; về quan hệ hôn nhân: Do ông bà không có đăng ký kết hôn căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà H và ông K; về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung tên Nguyễn Huỳnh K cho bà H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Kha; ghi

nhận sự tự nguyện việc bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Tự thỏa thuận nên miễn xét; về nợ chung: Không có nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà H khởi kiện xin ly hôn với ông K và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thường K có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thường K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt ông K.

[4] Về nội dung vụ án:

Bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Thường K cưới nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân trong thời gian dài. Ông bà thông nhất ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Thường K là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 03/02/1997 đã trưởng thành và Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 14/8/2009 hiện đang sống với bà H.

Xét thấy, cháu K có nguyện vọng sống với mẹ là bà H khi cha mẹ ly hôn. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Kha cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 03/02/1997 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà H là nguyên đơn Bào toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 53 và Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Thường K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Thường K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 14/8/2009 cho bà Huỳnh Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu K.

Đối với con tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 03/02/1997 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị H về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thường K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Ông bà thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Ông bà thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008679 ngày 28/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, vậy bà H đã nộp đủ tiền án phí.

7. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn bà Huỳnh Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 12/3/2021). Bị đơn ông Nguyễn Thường K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu (Dương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chon

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Minh Hằng

Nguyễn Ngọc Duyên

Trần Thị Chơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Minh Cảnh

Nguyễn Ngọc Duyên

Trần Thị Chơn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chơn